

Số 010 NQ - PLC - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 11/05/2009

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Các nội dung kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2008

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP HÓA DẦU PETROLIMEX

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 29/06/2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và các văn bản Pháp luật khác về Chứng khoán, Thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Hóa dầu Petrolimex theo điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty niêm yết được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 31/03/2008, dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

Căn cứ nội dung Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 Công ty CP Hóa dầu Petrolimex ngày 11/05/2009;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 Công ty CP Hóa dầu Petrolimex ngày 11/05/2009,

## QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty CP Hóa dầu Petrolimex nhất trí thông qua:

1. Báo cáo Kết quả SXKD năm 2008, Kế hoạch SXKD năm 2009 và Dự kiến Kế hoạch SXKD giai đoạn 2009 - 2013 của Công ty, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2008	TH 2008/ KH 2008	TH 2008/ TH 2007	Kế hoạch năm 2009	KH 2009/ TH 2008
1.	Tổng Sản lượng tiêu thụ	202.541 tấn; m <sup>3</sup>	98,66%	93,02%	171.300 tấn; m <sup>3</sup>	84,58%
2.	Tổng Doanh thu	2.970.599 tr.đồng	107,85%	115,33%	2.163.377 tr.đồng	72,83%
3.	Tổng lợi nhuận trước thuế	67.717 tr.đồng	102,85%	106,25%	78.693 tr.đồng	116,21%
4.	Tổng lợi nhuận sau thuế	55.040 tr.đồng	97,20%	99,95%	69.919 tr.đồng	127,03%
5.	Tỷ suất lợi nhuận ST/VCSH	17,88%	97,23%	82,78%	21,30 %	119,13%
6.	Tỷ suất lợi nhuận ST/VĐL	34,13%	97,21%	96,03%	32,11%	94,08%
7.	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%)	15,00%	100,00%	100,00%	15,00 %	100,00%

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2008.



3. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty.
4. Báo cáo Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2008.
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2008, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận thực hiện 2008	67.717.260.233
a	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	78.895.161.865
b	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	0
c	Chi phí chịu thuế TNDN	11.177.901.632
2	Thuế TNDN	12.676.918.270
3	Chia cổ tức	24.190.800.000
4	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	1.059.085.592
5	Quỹ dự phòng Tài chính	1.711.353.810
6	Quỹ đầu tư phát triển	19.462.141.127
a	Bổ sung từ ưu đãi thuế TNDN	12.676.918.274
b	Trích từ lợi nhuận còn lại	6.785.222.853
	b1 - Theo Vốn điều lệ	2.997.045.136
	b2 - Theo Vốn tự huy động	3.721.541.745
	b3 - Trích từ Lợi nhuận còn lại khác	66.635.972
7	Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty	500.000.000
8	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	8.116.961.434

6. Báo cáo Quyết toán thù lao của các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS Công ty năm 2008: Tổng số tiền Thù lao của các Thành viên HĐQT được quyết toán là 427.140.000 VNĐ. Tổng số tiền Thù lao của các Thành viên BKS được quyết toán là 183.048.000 VNĐ.
7. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
8. Phương án phát hành Cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ Công ty năm 2009: Phát hành 4.031.800 cổ phiếu thưởng (cổ phiếu phổ thông) cho các cổ đông hiện hữu (có tên trong Danh sách phân bổ quyền nhận Cổ phiếu thưởng cho người sở hữu cổ phiếu PLC chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán & Thị trường chứng khoán), mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phiếu, tỷ lệ phát hành là 100:25 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu PLC chốt danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng được thưởng 25 cổ phiếu); trên cơ sở kết chuyển nguồn thặng dư vốn thu được từ Đợt 1 đấu giá bán cổ phần PLC thông qua TTGDCK Hà Nội - năm 2007; tăng Vốn điều lệ Công ty: từ 161.272.000.000 VNĐ lên 201.590.000.000 VNĐ (Hai trăm linh một tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng chẵn); Thời gian thực hiện: dự kiến trong 06 tháng cuối năm 2009.
9. Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT & các Thành viên BKS Công ty năm 2009: Mức thù lao (hoạt động kiêm nhiệm) của Chủ tịch HĐQT là 100%, Ủy viên HĐQT & Trưởng BKS là 80%, Thành viên BKS là 50% thu nhập bình quân của người lao động. Tiền lương & chế độ chính sách của Trưởng BKS chuyên trách áp dụng tương đương chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty. Tiền lương & chế độ chính sách

